

LUẬT PHÁ SẢN 2014 VÀ VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC LỢI ÍCH CÓ BẢO ĐẢM TẠI VIỆT NAM

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2014, một luật phá sản mới đã được Quốc Hội Việt Nam thông qua. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Luật Phá sản số 51/2014/QH13 (**Luật Phá Sản 2014**) đã thay thế Luật Phá Sản số 21/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 (**Luật Phá Sản 2004**).

Tổ Chuyên Môn về Tái Cơ Cấu và Giải Thể Doanh Nghiệp của Frasers xin trình bày bài viết về khung pháp lý liên quan đến phá sản và giải quyết các lợi ích có bảo đảm tại Việt Nam, bao quát các vấn đề:

- khi nào một doanh nghiệp bị xem là mất khả năng thanh toán, phá sản;
- nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và thủ tục phá sản;
- quản lý và giải quyết tài sản sau khi Tòa án ban hành một Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản liên quan đến việc phá sản của doanh nghiệp;
- lập và điều hành các hội nghị chủ nợ; thủ tục phục hồi đối với một doanh nghiệp mất khả năng thanh toán; thanh lý và chia tài sản; và tuyên bố phá sản;
- giải quyết quyền lợi có bảo đảm cho các chủ nợ có bảo đảm và nguyên tắc thanh lý tài sản bảo đảm; và
- xem xét thủ tục phá sản áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

Theo Tờ trình số 10/TTr-TANDTC của Tòa án Nhân dân Tối cao (**Toà án Tối cao**) ngày 25 tháng 10 năm 2013, về Dự thảo Luật Phá sản sửa đổi, sau 9 năm thi hành Luật Phá Sản 2004, trong 336 đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nhận được, Tòa án chỉ ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với 236 vụ việc, trong đó tuyên phá sản đối với 83 vụ và 153 vụ chưa có quyết định.

Luật Phá Sản 2014

So với Luật Phá Sản 2004, Luật Phá Sản 2014 không mở rộng phạm vi điều chỉnh đến các cá nhân và hộ gia đình, và chỉ áp dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

Khi nào thì một doanh nghiệp bị xem là mất khả năng thanh toán, phá sản?

Trước đây, Luật Phá Sản 2004 chỉ quy định doanh nghiệp sẽ bị xem là lâm vào tình trạng phá sản khi doanh nghiệp đó không có khả năng thanh toán nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu. Nhận thấy việc xác định thời điểm mất khả năng thanh toán theo Luật Phá Sản 2004 thiếu rõ ràng dẫn đến nhiều bất cập, Luật Phá Sản 2014 đã điều chỉnh lại định nghĩa về “phá sản” và tình trạng “mất khả năng thanh toán”.

Theo đó, doanh nghiệp bị xem là mất khả năng thanh toán khi doanh nghiệp đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán. Doanh nghiệp bị phá sản khi mất khả năng thanh toán và bị Tòa án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản.

Thủ tục phá sản nói chung

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án Nhân dân cấp huyện được mở rộng đối với tất cả các doanh nghiệp có trụ sở chính tại huyện đó. Tòa án Nhân dân cấp tỉnh sẽ chỉ có thẩm quyền giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp tại tỉnh đó, đồng thời thuộc một trong các trường hợp sau: (i) có tài sản ở nước ngoài hoặc người tham gia thủ tục phá sản ở nước ngoài; hoặc (ii) có bất động sản, chi nhánh, văn phòng đại diện ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nhau; hoặc (iii) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân cấp huyện nhưng có tính chất phức tạp.

Theo Luật Phá Sản 2014, thủ tục phá sản được thực hiện bởi một (1) Thẩm Phán hoặc một Tổ Thẩm Phán gồm ba (3) Thẩm Phán do Chánh án Tòa Án Nhân Dân chỉ định.

Các bước trong thủ tục phá sản doanh nghiệp như sau:

- (i) nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- (ii) chấp nhận hoặc từ chối đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản;
- (iii) nếu chấp nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, Tòa án có ba mươi (30) ngày để ra quyết định mở hay không mở thủ tục phá sản;
- (iv) nếu ra quyết định mở thủ tục phá sản, Tòa án có ba (3) ngày làm việc để chỉ định Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;
- (v) hội nghị chủ nợ;
- (vi) thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh;
- (vii) tuyên bố doanh nghiệp phá sản; và
- (viii) thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản.

Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Tổ chức, cá nhân sẽ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với một doanh nghiệp kể từ khi có dấu hiệu cho thấy doanh nghiệp này bị mất khả năng thanh toán, cụ thể là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trong thời hạn ba (3) tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Khi một doanh nghiệp bị xem là mất khả năng thanh toán, thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; chủ doanh nghiệp tư nhân; chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty cổ phần; chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; thành viên hợp danh của công ty hợp danh có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Nếu những người này không thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản thì sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp có thiệt hại phát sinh sau thời điểm doanh nghiệp mất khả năng thanh toán do việc không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gây ra thì những người này phải bồi thường.

Độc lập với nghĩa vụ nộp đơn của những người nêu trên, Luật Phá Sản 2014 cho phép những người có quyền lợi liên quan dưới đây được nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán:

- (i) chủ nợ không có bảo đảm, hoặc chủ nợ có bảo đảm một phần;
- (ii) người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở; và
- (iii) cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu

(6) tháng; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 20% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng trong trường hợp điều lệ công ty quy định.

Đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo phải được gửi cho Tòa Án Nhân Dân. Người làm đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản có thể đề xuất chỉ định quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông qua việc ghi rõ tên, địa chỉ của cá nhân hay tổ chức đó trong đơn.

Những người có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và cổ đông, nhóm cổ đông có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải gửi kèm theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản các loại giấy tờ, tài liệu sau:

- (i) báo cáo tài chính trong ba (3) năm gần nhất;
- (ii) bản giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng mất khả năng thanh toán; báo cáo kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục doanh nghiệp mà vẫn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán;
- (iii) bảng kê chi tiết tài sản, địa điểm có tài sản của doanh nghiệp;
- (iv) danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ (ghi rõ tên, địa chỉ chủ nợ, người mắc nợ, nêu rõ khoản nợ có bảo đảm hay không có bảo đảm, đến hạn hay chưa đến hạn);
- (v) giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp; và
- (vi) kết quả thẩm định giá, định giá trị tài sản còn lại (nếu có).

Chấp nhận hoặc từ chối đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Tòa Án có quyền yêu cầu người nộp đơn sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản nếu đơn không đủ nội dung và các tài liệu kèm theo như quy định. Nếu người nộp đơn không thực hiện sửa đổi, bổ sung như yêu cầu thì Tòa Án sẽ trả lại đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Luật Phá Sản 2014 quy định trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán và chủ nợ nộp đơn có quyền đề nghị bằng văn bản gửi Tòa Án Nhân Dân để các bên thương lượng việc rút đơn. Thời gian thương lượng do Tòa Án quyết định nhưng không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ. Trường hợp thương lượng không thành hoặc hết thời hạn thương lượng mà các bên không tiến hành thương lượng thì Tòa Án sẽ thông báo cho người nộp đơn tiến hành nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản và thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Trong trường hợp không có đề nghị thương lượng việc rút đơn, đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản sẽ được thụ lý sau khi Tòa Án nhận được đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ và biên lai nộp lệ phí phá sản, biên lai nộp tạm ứng chi phí phá sản.

Mở thủ tục phá sản

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hợp lệ, Thẩm Phán phải ra quyết định mở hoặc không mở thủ tục phá sản (**Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản**), trừ khi Tòa Án giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn.

Trường hợp cần thiết, trước khi ra Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản, Thẩm Phán có thể triệu tập phiên họp với sự tham gia của người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bị yêu cầu mở thủ tục phá sản, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem xét, kiểm tra các căn cứ chứng minh doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Khi Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản được lập, quyết định này phải được gửi cho người nộp đơn, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, chủ nợ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính và đăng trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân và hai (2) số báo địa phương liên tiếp nơi doanh nghiệp mất khả năng thanh toán có trụ sở chính.

Quản Lý Tài Sản

Sau khi có Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản, doanh nghiệp vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh, nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm Phán và quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Doanh nghiệp phải báo cáo với quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trước khi thực hiện các hoạt động sau:

- (i) hoạt động liên quan đến việc vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, mua bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản; bán, chuyển đổi cổ phần; chuyển quyền sở hữu tài sản;
- (ii) chấm dứt thực hiện hợp đồng có hiệu lực; và
- (iii) thanh toán khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản; trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản, doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải tiến hành kiểm kê tài sản và xác định giá trị tài sản đó. Nếu cần thiết, thời hạn này có thể được gia hạn nhưng không quá hai lần, mỗi lần không quá ba mươi (30) ngày. Trường hợp đại diện hợp pháp của doanh nghiệp vắng mặt thì người được quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản chỉ định làm đại diện của doanh nghiệp thực hiện công việc kiểm kê và xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bị nghiêm cấm thực hiện những việc sau đây:

- (i) cất giấu, tẩu tán, tặng cho tài sản;
- (ii) thanh toán khoản nợ không có bảo đảm, trừ khoản nợ không có bảo đảm phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp;
- (iii) từ bỏ quyền đòi nợ; và
- (iv) chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp.

Quản tài viên/doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản

Vai trò của tổ quản lý/thanh lý tài sản trong Luật Phá Sản 2004 đã được thay thế bằng quản tài viên/doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong Luật Phá Sản 2014. Theo đó, trong thời hạn ba (3) ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, Thẩm Phán có trách nhiệm chỉ định quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Trách nhiệm của quản tài viên/doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp bao gồm:

- (i) quản lý tài sản, giám sát hoạt động kinh doanh, thanh lý tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;
- (ii) đại diện cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không có người đại diện theo pháp luật; và
- (iii) báo cáo về tình trạng tài sản, công nợ và hoạt động của doanh nghiệp, tham gia xây dựng kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo quy định của Luật Phá Sản 2014, quản tài viên phải là (i) luật sư, hoặc (ii) kiểm toán viên, hoặc (iii) người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có kinh nghiệm năm (05) năm trở lên về lĩnh vực được đào tạo, đồng thời đáp ứng các yêu cầu luật định và được cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên.

Đây là một chế định hoàn toàn mới nên hiện vẫn chưa có đủ đội ngũ quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đủ tiêu chuẩn theo quy định để tham gia quy trình giải quyết phá sản. Nhằm khắc phục khó khăn trong việc thực thi pháp luật này, Chính Phủ đã ban hành Nghị định 22/2015/ND-CP ngày 16 tháng 1 năm 2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Phá Sản về quản tài viên và doanh nghiệp

hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (**Nghị Định 22**). Nghị Định 22 có hiệu lực kể từ ngày 6 tháng 4 năm 2015.

Các biện pháp bảo toàn tài sản

Luật Phá Sản 2014 đã kéo dài thời hạn của điều khoản “thu hồi” trong đó quy định thời gian sáu (06) tháng trước ngày tòa án ra Quyết Định Mở Thủ Tục Phá Sản thì các giao dịch sau đây sẽ bị coi là vô hiệu:

- (i) giao dịch liên quan đến chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường;
- (ii) chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần bằng tài sản của doanh nghiệp;
- (iii) thanh toán hoặc bù trừ có lợi cho một chủ nợ đối với khoản nợ chưa đến hạn hoặc với số tiền lớn hơn khoản nợ đến hạn;
- (iv) tặng cho tài sản;
- (v) giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; và
- (vi) giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của doanh nghiệp.

Ngoài ra, giao dịch của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán được thực hiện với những người liên quan trong thời gian mười tám (18) tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản thì bị coi là vô hiệu.

Cơ quan thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thi hành quyết định tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trong quá trình giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản, người có quyền, nghĩa vụ nộp đơn, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền tiến hành thủ tục phá sản ra quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động như sau:

- (i) cho bán hàng hóa dễ bị hư hỏng, hàng hóa sắp hết thời hạn sử dụng, hàng hóa không bán đúng thời điểm sẽ khó có khả năng tiêu thụ; cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hóa khác;
- (ii) kê biên, niêm phong tài sản của doanh nghiệp;
- (iii) phong tỏa tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ;
- (iv) niêm phong kho, quỹ, thu giữ và quản lý sổ kế toán, tài liệu liên quan của doanh nghiệp;
- (v) cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;
- (vi) cấm thay đổi hiện trạng đối với tài sản của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán;
- (vii) cấm hoặc buộc doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức khác có liên quan thực hiện một số hành vi nhất định;
- (viii) buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động; và
- (ix) các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

Hội nghị chủ nợ

Thời hạn để Thẩm Phán triệu tập hội nghị chủ nợ là hai mươi (20) ngày kể từ ngày việc kiểm kê tài sản và việc lập danh sách chủ nợ được hoàn thành.

Luật Phá Sản 2014 đã thay đổi điều kiện hợp lệ của hội nghị chủ nợ là dựa trên số nợ không có bảo đảm, thay vì căn cứ vào số chủ nợ như quy định của Luật Phá Sản 2004, nhằm đảm bảo hơn quyền lợi

cho chủ nợ có số nợ lớn. Theo đó, hội nghị chủ nợ được tiến hành khi có số chủ nợ đại diện cho ít nhất 51% tổng số nợ không có bảo đảm.

Tại hội nghị chủ nợ, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thông báo về tình hình kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán; kết quả kiểm kê tài sản, danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ và các nội dung khác nếu xét thấy cần thiết.

Tại hội nghị chủ nợ, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trình bày ý kiến về nội dung do Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đã thông báo cho Hội nghị, đề xuất phương án, giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, khả năng và thời hạn thanh toán nợ.

Tiếp theo cuộc thảo luận, một nghị quyết của hội nghị chủ nợ được lập thành văn bản và được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Ban đại diện chủ nợ được thành lập gồm ba (3) đến năm (5) thành viên, thay mặt cho các chủ nợ thực hiện giám sát việc thực hiện nghị quyết của hội nghị chủ nợ, đề xuất với quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về việc thực hiện nghị quyết của hội nghị chủ nợ. Trường hợp hội nghị chủ nợ không thể thông qua nghị quyết, thì Tòa Án tuyên bố doanh nghiệp phá sản.

Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh

Nếu hội nghị chủ nợ thông qua nghị quyết có nội dung áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh, thì doanh nghiệp mất khả năng thanh toán phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh (**Phương Án Phục Hồi**) và gửi cho Thẩm Phán, chủ nợ, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cho ý kiến trong vòng 30 ngày kể từ ngày có nghị quyết của hội nghị chủ nợ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phương Án Phục Hồi thì chủ nợ, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản gửi ý kiến cho doanh nghiệp để hoàn thiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh (nếu có).

Ngay sau khi nhận được Phương Án Phục Hồi đã được góp ý điều chỉnh, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có nhiệm vụ báo cáo cho Thẩm Phán. Thẩm Phán có mười lăm (15) ngày xem xét trước khi đưa phương án ra hội nghị chủ nợ xem xét thông qua. Sau khi hội nghị chủ nợ ra nghị quyết hợp lệ thông qua Phương Án Phục Hồi, Thẩm Phán sẽ ra quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ.

Sáu (6) tháng một (1) lần, doanh nghiệp phải lập báo cáo về tình hình thực hiện Phương Án Phục Hồi cho quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có trách nhiệm báo cáo cho Thẩm Phán và thông báo cho chủ nợ. Thời hạn thực hiện Phương Án Phục Hồi là không quá ba (3) năm kể từ ngày hội nghị chủ nợ thông qua Phương Án Phục Hồi, trừ khi được quy định khác trong nghị quyết của hội nghị chủ nợ.

Thẩm Phán sẽ ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mất khả năng thanh toán sau khi doanh nghiệp đã thực hiện xong Phương Án Phục Hồi, hoặc khi đã hết thời hạn thực hiện Phương Án Phục Hồi mà doanh nghiệp vẫn mất khả năng thanh toán, hoặc khi doanh nghiệp không thực hiện được Phương Án Phục Hồi.

Tuyên bố phá sản

Tòa Án xem xét tuyên bố doanh nghiệp phá sản trong các trường hợp sau:

- (i) hội nghị chủ nợ không thành;
- (ii) hội nghị chủ nợ đề nghị tuyên bố phá sản;
- (iii) doanh nghiệp không xây dựng được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;
- (iv) hội nghị chủ nợ không thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh;
- (v) doanh nghiệp không thực hiện được phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; và

(vi) hết thời hạn thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng doanh nghiệp vẫn mất khả năng thanh toán.

Quyết định của Tòa Án có thể cấm một số nhân viên điều hành của doanh nghiệp đảm nhiệm chức vụ trong trường hợp vi phạm quy định của Luật Phá Sản trong thời hạn ba (3) năm. Quyết định này phải được gửi cho cơ quan đăng ký kinh doanh để xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.

Quyết định này không miễn trừ nghĩa vụ về tài sản của chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh đối với chủ nợ chưa được thanh toán nợ. Các nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp được giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Tuyên bố phá sản theo thủ tục rút gọn

Tòa Án Nhân Dân giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn trong trường hợp những người có nghĩa vụ phải nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản không còn tiền, tài sản khác để nộp lệ phí phá sản, tạm ứng chi phí phá sản khi nộp đơn yêu cầu phá sản hoặc doanh nghiệp không còn để thanh toán chi phí phá sản sau khi thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Trong trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản biết việc áp dụng thủ tục rút gọn, Tòa án nhân dân xem xét, tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản hoặc tiếp tục giải quyết theo thủ tục thông thường và thông báo cho người tham gia thủ tục phá sản biết.

Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản

Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành và phân công chấp hành viên (**Chấp Hành Viên**) thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Trong thời hạn hai (2) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phân công của Thủ Trưởng cơ quan thi hành án dân sự, Chấp Hành Viên sẽ có văn bản yêu cầu quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản thực hiện việc thanh lý tài sản.

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải tổ chức định giá tài sản theo quy định của pháp luật, nhưng không được ký hợp đồng định giá tài sản với tổ chức, cá nhân có quyền và lợi ích liên quan.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự quyết định đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản trong các trường hợp sau:

- (i) doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản không có tài sản để thanh lý, phân chia;
- (ii) hoàn thành việc phân chia tài sản của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản; hoặc
- (iii) thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự báo cáo Tòa án nhân dân đã giải quyết phá sản và thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản.

Nguyên tắc xử lý tài sản bảo đảm

Việc xử lý tài sản bảo đảm phải được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- (i) nếu tài sản bảo đảm được sử dụng để bảo đảm việc thực hiện một nghĩa vụ thì việc xử lý tài sản đó sẽ được thực hiện theo thỏa thuận của các bên; nếu không có thỏa thuận này thì tài sản sẽ được bán đấu giá theo quy định của pháp luật;
- (ii) việc xử lý tài sản có bảo đảm nhằm thu hồi nợ không được tính vào hoạt động kinh doanh có phép của bên nhận bảo đảm;
- (iii) trong trường hợp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, nhà ở thì tổ chức, cá nhân mua tài sản bảo đảm hoặc nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo

đảm phải thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trường hợp tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì chỉ được hưởng giá trị quyền sử dụng đất, giá trị nhà ở;

- (iv) kể từ ngày ra quyết định mở thủ tục phá sản, các khoản nợ được tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận nhưng được tạm dừng việc trả lãi. Kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản thì khoản nợ không được tiếp tục tính lãi;
- (v) đối với việc xử lý khoản nợ có bảo đảm:
 - (a) trường hợp tài sản bảo đảm được sử dụng để thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh thì việc xử lý đối với tài sản bảo đảm theo nghị quyết của hội nghị chủ nợ;
 - (b) trường hợp không thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh hoặc tài sản bảo đảm không cần thiết cho việc thực hiện thủ tục phục hồi kinh doanh, thì xử lý theo thời hạn quy định trong hợp đồng đối với hợp đồng có bảo đảm đã đến hạn. Đối với hợp đồng có bảo đảm chưa đến hạn thì trước khi tuyên bố doanh nghiệp phá sản, Tòa Án đình chỉ hợp đồng và xử lý các khoản nợ có bảo đảm. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm được thực hiện như sau:
 - (I) đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa Án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thì được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó;
 - (II) trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp.
 - (c) trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản đề nghị Thẩm Phán cho xử lý ngay tài sản bảo đảm đó;
- (vi) thứ tự phân chia tài sản khi doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản như sau:
 - (a) chi phí phá sản;
 - (b) khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, quyền lợi khác;
 - (c) khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh;
 - (d) nghĩa vụ tài chính đối với Nhà Nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Nếu tài sản vẫn còn sau khi đã thanh toán đủ cho các chủ nợ, thì phần còn lại này sẽ thuộc về chủ doanh nghiệp, hoặc thành viên hoặc cổ đông của doanh nghiệp tùy từng trường hợp. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ

Trước khi xử lý tài sản bảo đảm, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải thông báo bằng văn bản về việc xử lý tài sản bảo đảm cho các bên cùng nhận bảo đảm khác theo địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp hoặc đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Người yêu cầu đăng ký nộp một (1) bản đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm cho Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm (**NRAST**). NRAST có trách nhiệm giải quyết việc

đăng ký ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu hoặc ngay trong ngày làm việc; nếu nhận đơn yêu cầu sau 3 giờ chiều thì việc giải quyết đăng ký được hoàn tất trong ngày làm việc tiếp theo; và nếu cần thiết phải xin gia hạn thời gian giải quyết việc đăng ký này thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn yêu cầu đăng ký hợp lệ.

Trong thời hạn hoàn tất việc đăng ký, đăng ký viên sẽ gửi văn bản chứng nhận nội dung đăng ký có xác nhận của NRAST về việc xử lý tài sản của bên bảo đảm cho các bên liên quan theo địa chỉ được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu.

Thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản sau khi xử lý tài sản bảo đảm

Trước đây, một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc không xử lý được tài sản bảo đảm là khi bên bảo đảm không tự nguyện ký hợp đồng, giấy tờ, tài liệu chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm khi bên nhận bảo đảm thực hiện các quyền của mình.

Để giải quyết vấn đề này, Thông Tư Liên Tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 6 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tư Pháp, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, và Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam hướng dẫn một số vấn đề về xử lý tài sản bảo đảm (**TTLT 16**) đã được ban hành.

Cụ thể, trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán không qua đấu giá, mà trong đó bên bảo đảm không tự nguyện ký hợp đồng, giấy tờ, tài liệu chứng minh việc chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì bên nhận bảo đảm được quyền ký hợp đồng, giấy tờ, tài liệu đó. Đồng thời, trong hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản phải bổ sung: (i) một (1) bản chính hợp đồng bảo đảm đã được công chứng, chứng thực; hoặc (ii) một (1) bản sao hợp đồng bảo đảm được Ủy Ban Nhân Dân cấp xã chứng thực, tổ chức hành nghề công chứng cấp từ bản chính; hoặc (iii) văn bản khác chứng minh có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm được quyền ký kết hợp đồng, giấy tờ, tài liệu chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm.

Tuy nhiên, trên thực tế, việc giải thích nội dung của TTLT 16 giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn chưa thực sự thống nhất, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng điểm mới tiến bộ của văn bản này.

Thủ tục phá sản đối với tổ chức tín dụng

Luật Phá Sản 2014 đã dành riêng một chương để quy định thủ tục phá sản áp dụng đối với các tổ chức tín dụng.

Theo đó, sau khi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán, mà tổ chức tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán, và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chủ nợ, người lao động, cổ đông lớn, thành viên hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, thì Tòa Án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản lập xong danh sách chủ nợ, danh sách người mắc nợ, bảng kê tài sản của tổ chức tín dụng, Tòa Án ra quyết định tuyên bố tổ chức tín dụng phá sản.

Trước khi thực hiện việc phân chia tài sản, nếu tổ chức tín dụng được vay đặc biệt của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, hoặc của tổ chức tín dụng khác theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, mà bị tuyên bố phá sản thì phải hoàn trả khoản vay đặc biệt này cho Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, tổ chức tín dụng khác đó.

Việc phân chia tài sản tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự như sau:

- (i) chi phí phá sản;
- (ii) khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;

- (iii) khoản tiền gửi; khoản tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải trả cho người gửi tiền tại tổ chức tín dụng phá sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; và
- (iv) nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Trường hợp giá trị tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ trên thì các đối tượng thuộc cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ khoản nợ trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về:

- (i) thành viên của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;
- (ii) chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; và
- (iii) thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; cổ đông của tổ chức tín dụng là công ty cổ phần.

Tổ Chuyên Môn về Tái Cơ Cấu và Giải Thể Doanh Nghiệp của Frasers vẫn đang làm công tác tư vấn cho các bên cho vay, bên vay và các bên quan tâm khác về lĩnh vực tái cơ cấu và mất khả năng thanh toán tại Việt Nam.

Xin đừng ngần ngại liên lạc với bất kỳ thành viên cao cấp nào (thông tin chi tiết của họ được liệt kê dưới đây) của Tổ Chuyên Môn của chúng tôi về lĩnh vực Tái Cơ Cấu và Giải Thể Doanh Nghiệp để thảo luận thêm.

Ông Mark Fraser

mark.fraser@frasersvn.com

Bà Nguyễn Thị Láng

lang.nguyen@frasersvn.com

Ông Phạm Bá Linh

linh.pham@frasersvn.com

Bà Phùng Thị Thanh Thảo

thao.phung@frasersvn.com

Frasers Law Company

Ho Chi Minh City

Unit 1501, 15th Floor, The Metropolitan
235 Dong Khoi Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 8 3824 2733

Email: legalenquiries@frasersvn.com

Hanoi

Unit 1205, 12th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street, Hoan Kiem District
Hanoi, Vietnam
Tel: +84 4 3946 1203

Website: www.frasersvn.com

This article provides a summary only of the subject matter covered, without the assumption of a duty of care by Frasers Law Company. The summary is not intended to be nor should it be relied on as a substitute for legal or other professional advice.